

Các di tích Đá cũ ở thung lũng Phú Thiện, Gia Lai: tư liệu và nhận thức

Nguyễn Khắc Sử*, La Thế Phúc**, Vũ Tiến Đức***, Lương Thị Tuất****

Nhận ngày 10 tháng 10 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 2 năm 2023.

Tóm tắt: Trong các năm 2019-2021, các địa chất và khảo cổ học đã phát hiện ở vùng núi Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai được 26 di tích khảo cổ với tổng số 220 hiện vật đá. Bài viết giới thiệu kết quả nghiên cứu địa hình - địa mạo thung lũng Phú Thiện, các đặc điểm di tích và di vật và thảo luận các vấn đề tính chất và niên đại di tích bằng phân tích so sánh với các kỹ nghệ Đá cũ đã biết ở Việt Nam, nhất là kỹ nghệ An Khê. Các tác giả cho rằng, các di tích khảo cổ Phú Thiện thuộc loại hình di tích cư trú ngắn ngày của cộng đồng cư dân hậu kỳ Đá cũ, một mắt xích trong diễn trình phát triển tiền sử vùng thượng lưu sông Ba, từ kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ An Khê qua Phú Thiện đến hậu kỳ Đá cũ Kbang - Đăk Pơ. Các di tích hậu kỳ Đá cũ thung lũng Phú Thiện cần được bảo vệ, khai quật và nghiên cứu trong thời gian tới.

Từ khóa: Di tích khảo cổ, thời đại Đá cũ, kỹ nghệ An Khê, sưu tập Phú Thiện.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: In the years 2019-2021, the Geologists and archeologists discovered in Chư A Thai mountain, Phú Thiện district, Gia Lai Province 26 archeological sites with a total of 220 stone artifacts. The article introduces the results of topographical and geomorphological research in Phú Thiện valley, the characteristics of relics and artifacts, so discusses the issues of nature and chronology of monuments by comparative analysis with the Palaeolithic industries known in Vietnam, especially An Khê Industry. The authors believe that the archaeological sites of Phú Thiện belong to the form of short-term resident relics of the inhabitants of the Late Palaeolithic period, a link in the process of prehistoric development in the upper Ba River, from Lower Paleolithic Industry of An Khê through Phú Thiện to the Late Palaeolithic of Kbang – Đăk Pơ sites. The Late Palaeolithic sites of Phú Thiện valley need to be protected, excavated and studied in the coming time.

Keywords: Archaeological relics, Palaeolithic, An Khê Industry, Phú Thiện Collection.

Subject classification: Archeology

1. Đặt vấn đề

Huyện Phú Thiện nằm ở phía Đông Nam tỉnh Gia Lai, có địa hình tương đối phức tạp, bao gồm đồi núi và thung lũng khá rộng lớn. Thung lũng Phú Thiện có độ cao trung bình từ 200-250m so với mặt nước biển. Ngoại trừ một số đồi đá dạng núi sót có độ cao 300-370m như núi Chư A Thai, núi Đồn 1, núi Đồn 2 (xã Chư A Thai), núi Chư Dho (xã Ia Sol). Địa hình thung lũng Phú Thiện được cấu tạo bởi các gò đồi thấp, cao trung bình trong khoảng 5-20m so với lòng thung lũng.

Tháng 4-5/2019, triển khai đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước TN17/T06 thuộc Chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2016-2020, TS. La Thế Phúc và các cộng sự đã phát hiện 15 địa điểm có di vật đá của người Tiền sử ở xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện. Những hiện vật này nằm rải rác trong các thành tạo cuội, sỏi đa khoáng, trong đó có chooper, chooping tool, mũi nhọn, biface, đá có vết ghe, hạch đá và mảnh tước, có nét gần gũi với sưu tập di vật thời đại Đá cũ An Khê (La Thế Phúc và cộng sự, 2020: 79-92, 55-69).

* Hội khảo cổ học Việt Nam.

Email: khacsukc@gmail.com

** **** Tổng hội Địa chất Việt Nam.

*** Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Đầu năm 2020, đoàn khảo sát gồm các nhà chuyên môn ở Viện Khảo cổ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khảo cổ học - Dân tộc học Novosibirsk thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam thuộc Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam và Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch Gia Lai đã tiến hành khảo sát thăm định các di tích nói trên và phát hiện mới 3 địa điểm, thu thập bổ sung một số hiện vật như chooper, mũi nhọn, đá có vết ghè, hạch đá chất liệu đá quartz, quartzit, silic, opan (Nguyễn Khắc Sửu và cộng sự, 2020; Lê Hải Đăng và cộng sự, 2021: 52-54), triển khai chỉnh lý, nghiên cứu toàn bộ sưu tập Đá cũ trên đất Phú Thiện (Nguyễn Khắc Sửu và cộng sự, 2021: 55-59).

Năm 2021, triển khai đề tài: “Điều tra các di tích khảo cổ học tiền - sơ sử huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai”, cán bộ Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên phối hợp với các chuyên gia di sản địa - văn hoá (thuộc Tổng hội Địa chất Việt Nam) điều tra mở rộng, phát hiện mới 8 địa điểm khảo cổ tiền sử tại xã Ia Sol và xã Chư A Thai, thu thập thêm một số di vật đá, nâng tổng số địa điểm khảo cổ thời đại Đá cũ phát hiện tại thung lũng huyện Phú Thiện lên con số 26 địa điểm (Vũ Tiến Đức, 2021a, 2021b; Vũ Tiến Đức và cộng sự, 2022a, 2022b). Đây là nguồn tài liệu phong phú, mở ra những nhận thức mới về thời đại Đá cũ tại thung lũng Phú Thiện, cũng như nhận thức mới về khảo cổ học thời đại Đá cũ ở Tây Nguyên nói chung và thượng lưu sông Ba nói riêng.

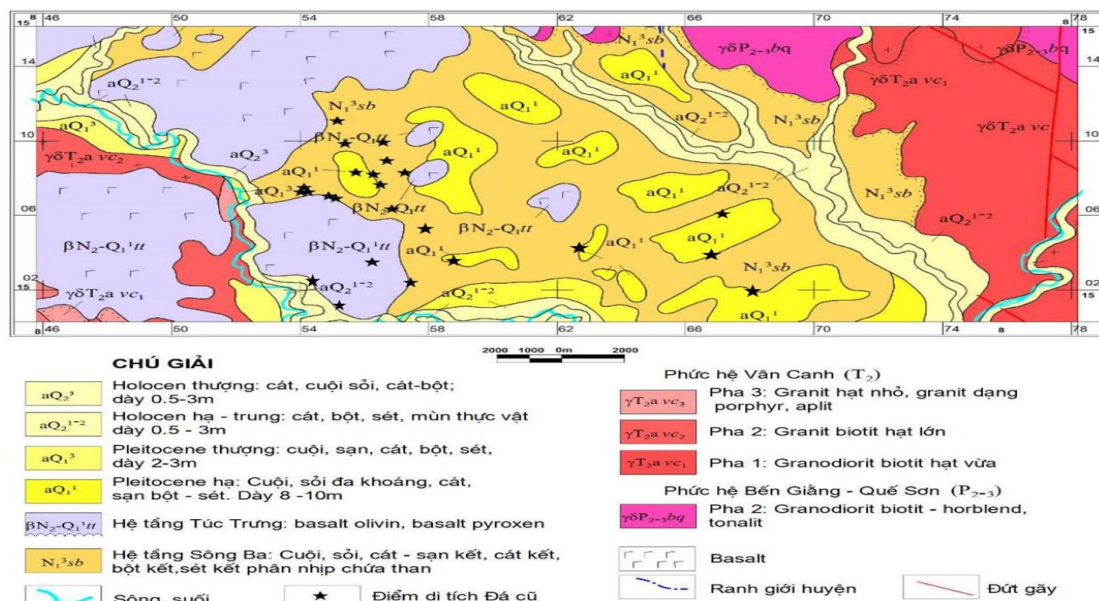
2. Đặc điểm địa hình, di tích và di vật khảo cổ Phú Thiện

2.1. Đặc điểm địa hình - địa mạo

Theo tài liệu bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1/200.000, khu vực các xã Chư A Thai, Ia Sol và kế cận của huyện Phú Thiện (nơi phân bố các di tích khảo cổ Đá cũ) có 2 nhóm thành tạo địa chất như sau (Trần Tính, 1996):

- Nhóm thành tạo đá gốc trước Đệ tứ gồm 4 phân vị địa chất chủ yếu: Phức hệ Bền Giàng - Quế Sơn ($\gamma\delta P_{2-3}bq$): gabrodiorit, diorit, diorit thạch anh, granodiorit, granitbiotit; Phức hệ Vân Canh ($\gamma T_{2a}vc$): granodiorit, granit, granosyenit; Hệ tầng sông Ba (N_1^3sb): cuội kết, cát sạn kết, bột sét kết; Hệ tầng Túc Trung (βN_2-Q_1tt): basalt olivin, basalt tholeit (Hình 1). Đây là nguồn cung cấp vật liệu trầm tích vụn thô (như cuội sỏi) cho thung lũng Phú Thiện. Hầu hết cuội sỏi ở đây rất rắn chắc, độ cứng cao như thạch anh, quartzit, đá silic... và chúng chính là nguồn đá nguyên liệu đã được người tiền sử lựa chọn để chế tác công cụ, phục vụ cuộc sống sinh tồn.

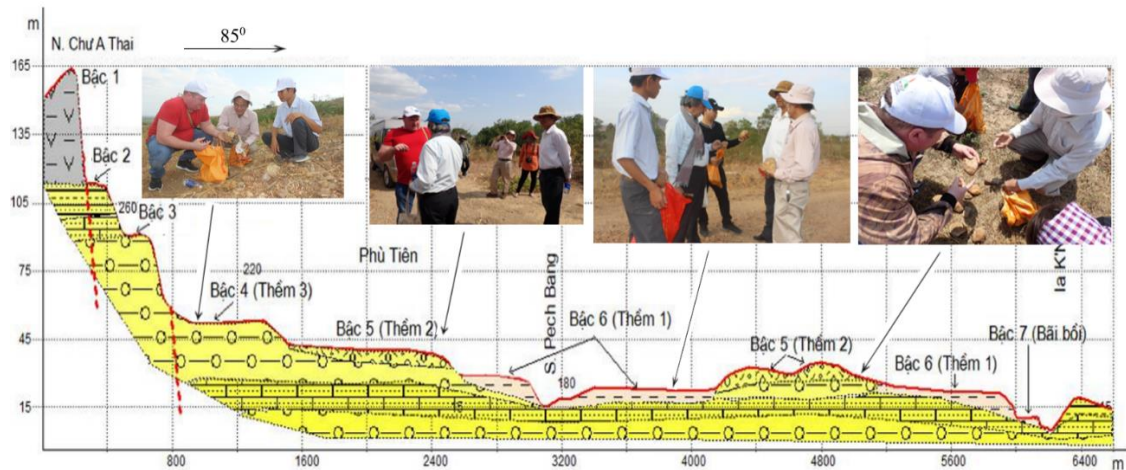
Hình 1: Sơ phân bố di tích Đá cũ ở thung lũng Phú Thiện.



Nguồn: Trần Tính, 1996

- Nhóm thành tạo trầm tích bờ rời *Đệ tứ*. Trầm tích Pleistocen sớm phân sớm - giữa, nguồn gốc sông (aQ_1^{1-2} ~1,80-0,78 triệu năm BP) lộ khá phổ biến thành các diện nhỏ dạng da báo (màu vàng) trên nền trầm tích hệ tầng sông Ba (màu vàng nâu) ở thung lũng Phú Thiện (Hình 1). Thành phần trầm tích gồm cuội sạn sỏi đa khoáng, độ mài tròn tốt - trung bình, thành phần cuội sỏi chủ yếu là: thạch anh, đá silic, quartzit, cát kết dạng quartzit, gỗ hóa thạch, granit, diorit thạch anh, ít hơn là basalt và đá sừng. Trầm tích có chiều dày phổ biến dưới 3m (quan sát bằng mắt thường). Các công cụ đá tiền sử đều được phát hiện nằm trong lớp cuội sỏi sạn này và có những đặc điểm tương đồng với các công cụ cụm di tích khảo cổ An Khê.

Hình 2: Sơ đồ mặt cắt địa hình sườn đông núi Chư A Thai



Nguồn: La Thế Phúc, Bùi Văn Thom, 2020.

Ngoài ra, ở thung lũng Phú Thiện còn có các thành tạo trầm tích tuổi Pleistocen muộn (Q_1^3 : 126.0 - 11.7 ngàn năm BP) và Holocen sớm-giữa (Q_2^{1-2} :

Ngoài ra, ở thung lũng Phú Thiện còn có các thành tạo trầm tích tuổi Pleistocen muộn (Q_1^3 : 126.0 - 11.7 ngàn năm BP) và Holocen sớm-giữa (Q_2^{1-2} :

11.7 - 4.2 ngàn năm BP), nguồn gốc sông (aluvi) phân bố dọc theo sông Ea Ayun. Các thành tạo trầm tích *Đệ tứ* không phân chia (Q) có nguồn gốc eluvi - deluvi - proluvi với thành phần chủ yếu là cuội sạn sỏi đa khoáng - ít khoáng phân bố dọc các khe suối và sườn dốc của các núi vây quanh thung lũng. Tại sườn núi Chư A Thai đã phát hiện được nhiều công cụ, hạch đá, mảnh tước,... trong các thành tạo *Đệ tứ* không phân chia này.

Theo sơ đồ mặt cắt địa hình sườn đông núi Chư A Thai về phía trung tâm thung lũng, địa hình ở đây được chia thành 7 bậc, trong đó có 3 bậc địa hình (4, 5, 6) tương ứng với 3 thềm sông cổ (thềm bậc 3, 2, 1) của sông Ba trước kia (Hình 2). Các điểm khảo cổ tiền sử được phát hiện chủ yếu liên quan đến các thềm sông cổ bậc 1, 2 và 3 (tương ứng địa hình bậc 6, 5 và 4; thứ yếu ở các địa hình bậc cao hơn (3, 2 và 1), chưa tìm thấy trong các bãi bồi hiện đại cũng như lòng sông suối hiện đại.

2.2. Đặc điểm di tích

Các điểm khảo cổ Đá cũ ở thung lũng Phú Thiện đều phân bố hai bên sườn núi Chư A Thai, thuộc địa phận xã Chư A Thai và xã Ia Sol, với 2 dạng địa hình sau:

- *Địa điểm khảo cổ phân bố trên sườn núi tiếp giáp thung lũng*: Tại sườn đông núi Chư A Thai - nơi tiếp giáp với thung lũng, di vật khảo cổ được phát hiện phân bố rải rác tại các bậc địa hình từ bậc 6 đến bậc 2, tức là từ chân núi đến gần đỉnh núi, độ cao tương đối 3-60m. Bề mặt các bậc địa hình tương đối bằng phẳng, lộ cuội sỏi đa khoáng là sản phẩm trầm tích *Đệ tứ* (không phân chia) trên bề mặt bào mòn của trầm tích Neogen (hệ tầng sông Ba). Phần cao nhất của núi là lớp phủ đá basalt (dày 10-50m), màu xám xanh - xám đen thuộc hệ tầng Túc Trung (βN_2 - Q_1 tt) có tuổi trong khoảng 5,3-0,8 triệu năm, không xuất lộ các loại đá khác.

- *Di tích trên các gò đồi thấp*: Tại thung lũng Phú Thiện lộ ra nhiều bãi cuội đa khoáng rộng từ vài trăm mét đến hàng ngàn mét vuông ở các gò đồi cao 3-20m. Các bãi cuội này là trầm tích Pleistocene sớm phần giữa - muộn, được thành tạo cách đây khoảng 1,50-0,78 triệu năm, nguồn gốc aluvi (cuội sông cô) (Trần Tính, 1996). Các gò đồi thấp là tàn dư của các trầm tích aluvi cô, thềm sông bậc 1 (độ cao 3-7m) hoặc thềm sông bậc 2 (độ cao 7-15m) của sông Ba trước đây, tương ứng địa hình bậc 6 và 5 của núi Chư A Thai. Tuy có độ cao khác nhau, nhưng có cấu tạo tương đồng với phần đỉnh khá bằng phẳng, sườn khá thoải (Bảng 1).

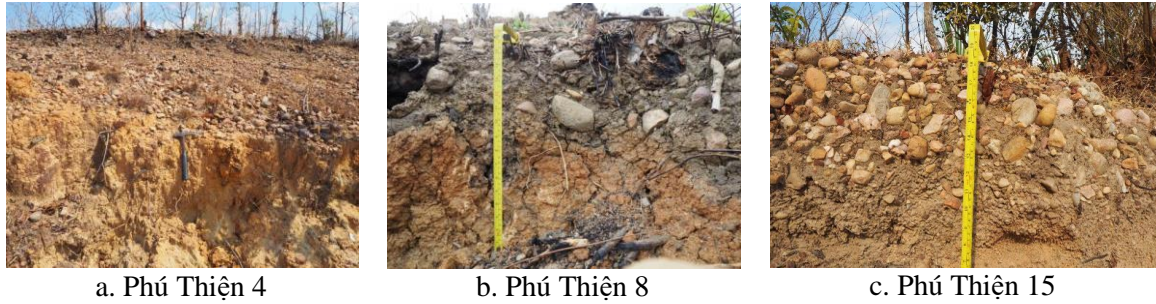
Bảng 1: Địa hình các điểm di tích trên gò đồi thấp ở thung lũng Phú Thiện

TT	Tên địa điểm khảo cổ	Ký hiệu địa điểm	Độ cao tuyệt đối (m)	Năm phát hiện	Độ cao tương đối (m)
1	Phú Thiện 9	PT9	192	2019	
2	Plei Tơ	PT10	192	2019	
3	Plei Hek 1	PT11	204	2019	
4	Kinh Pênh	PT3	206	2019	
5	Phú Thiện 20	PT20	202	2021	
6	Chư Rung		205	2020	
7	Kinh Pênh 1		194	2019	Thềm sông cô bậc 1 (Tương ứng địa hình bậc 6 ở Phú Thiện)
8	Phú Thiện 16	PT16	195	2021	
9	Phú Thiện 17	PT17	200	2021	
10	Phú Thiện 18	PT18	199	2021	
11	Phú Thiện 19	PT19	202	2021	
12	Phú Thiện 21	PT21	196	2021	
13	Phú Thiện 22	PT22	200	2021	
14	Phú Thiện 23	PT23	204	2021	
15	Plei Klung 2	PT5	212	2019	
16	Plei Klung 4	PT6	212	2019	
17	Plei Klung 5	PT7	216	2019	Thềm sông cô bậc 2 (Tương ứng địa hình bậc 5 ở Phú Thiện)
18	Phú Thiện 15	PT15	216	2019	
19	Phú Thiện 14	PT14	217	2019	
20	Fa Dui 1	PT8	218	2019	
21	Plei Klung 1	PT4	223	2019	
22	Phú Thiện 12	PT12	227	2019	Thềm bậc 3 (chứa di vật):
23	Phú Thiện 13	PT13	234	2019	35-50m (tương ứng địa
24	Kinh Pênh 2		230	2020	hình bậc 4 ở Phú Thiện)
25	Đồi Đôn 2	PT2	356	2019	Địa hình bậc 3 Phú Thiện

Nguồn: Nguyễn Khắc Sử và cộng sự, 2021; Vũ Tiên Đức, 2022.

Trên vách taluy cho thấy, mặt cắt địa tầng gồm 2 phần. Phần trên là cuội sạn sỏi đá khoáng có độ mài tròn tốt - trung bình, chiều dày thường 1-3m, thành phần chủ yếu là thạch anh, đá silic, diorrit thạch anh, gneis, granit porphy, quartzit, đá sừng, basalt, gỗ silic hóa, opal-chalcedon, thủy tinh núi lửa; kích thước hạt từ vài cm đến 10cm hoặc lớn hơn. Phần dưới là cát sạn lẫn sét bột màu xám sáng - trắng xám, độ gắn kết yếu, chiều dày > 2m, thành phần cát chủ yếu gồm: thạch anh, feldspat, mảnh đá; bột sét chủ yếu là caolinit và có thể có montmorilonit (Hình 3) (La The Phuc và các cộng sự, 2020).

Hình 3: Địa tầng các di tích Phú Thiện



Nguồn: La Thế Phúc và Vũ Tiến Đức.

2.3. Đặc điểm di vật

Từ năm 2019-2021 đã thu thập được từ 26 địa điểm với tổng số 219 hiện vật. Bước đầu được phân loại (Bảng 2) như sau:

Bảng 2: Thống kê phân loại hiện vật sưu tập tại Phú Thiện năm 2019-2021

TT	Tên địa điểm	Chopper	Chopping	Uniface	Biface	Mũi nhọn	Công cụ mảnh	Có vết ghè	Hạch đá	Hòn ghè	Mảnh tước	Tổng cộng
1	Phú Thiện 1	5				2		3	4	1	1	16
2	Phú Thiện 2	1							1			2
3	Phú Thiện 3	2				1		1	1		1	6
4	Phú Thiện 4		2				3				3	8
5	Phú Thiện 5	1				1		1	1		1	5
6	Phú Thiện 6	2						2	3			7
7	Phú Thiện 7	1						1			1	3
8	Phú Thiện 8	2						3	4			9
9	Phú Thiện 9	4	2			1	1	8	1		2	19
10	Phú Thiện 10	2			1	1	1	10	2		2	19
11	Phú Thiện 11	1							2			3
12	Phú Thiện 12	2				1		1	4		1	9
13	Phú Thiện 13								3		2	5
14	Phú Thiện 14	1				2	2		4			9
15	Phú Thiện 15	1				4					1	6
16	Chư Rung	2				1			2		1	6
17	Kinh Pênh 1	1						2			2	5
18	Kinh Phênh 2	4							3			7
19	Phú Thiện 16	3	1			1	2	1	2		1	11
20	Phú Thiện 17	5	1	2	1	1	2		2			14
21	Phú Thiện 18	5	1				1					7
22	Phú Thiện 19	1					1					2
23	Phú Thiện 20	11		1		4	2		4		2	24
24	Phú Thiện 21	3					2	2	1			8
25	Phú Thiện 22	3					1		1			5
26	Phú Thiện 23	2			1	1			1			5
	Tổng cộng	65	7	3	3	21	18	35	46	1	21	220

Nguồn: Nguyễn Khắc Sử và cộng sự, 2021; Vũ Tiến Đức, 2022.

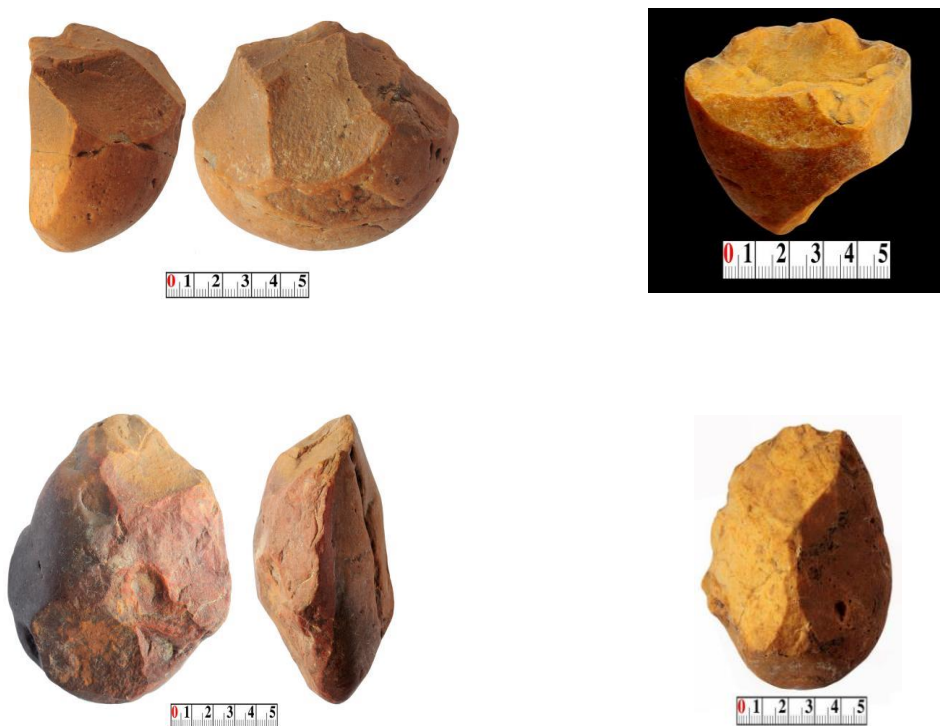
Về chất liệu, đồ đá Phú Thiện chủ yếu là các viên cuội sông, kích thước trung bình từ 5cm đến 10cm, nặng từ 100gr đến 2.000gr, vừa vặn tay cầm. Chất liệu đa số là thạch anh, silic, diorit thạch anh, granit porphyr, quartzite, một số ít là đá basalt, đá sừng, opal-chalcedon và gỗ silic hoá (hay gỗ hóa thạch).

Về kỹ thuật chế tác, công cụ đá ở Phú Thiện được chế tác bằng kỹ thuật ghè đẽo thô sơ, ghè trực tiếp (đá ghè đá), chủ yếu là ghè một mặt, vết ghè từ ngoài vào trong, hướng tâm, ghè nhiều lớp, xen kẽ vết ghè lớn là vết ghè nhỏ đan nhau có hệ thống. Một số ít công cụ ghè hai mặt, ghè tu chỉnh lưỡi. Trên thân công cụ, vỏ cuội tự nhiên được giữ lại tối đa, nhất là chỗ cầm nắm hiện vật.

Về loại hình công cụ, bước đầu phân loại ghi nhận đồ đá Phú Thiện có 10 loại: 1) Chopper; 2) Chopping - tool; 3) Uniface; 4) Biface; 5) Mũi nhọn; 6) Công cụ mảnh tước; 7) Đá có vết ghè; 8) Hạch đá; 9) Hòn ghè; 10) Mảnh tước.

Chopper (hay công cụ chặt thô) có 65/220 hiện vật, chiếm tỷ lệ 29,7% sưu tập. Trong đó có các tiểu loại hình: chopper rìa lưỡi dọc (Side chooper), choper rìa lưỡi ngang (End chooper), chopper chặt nhiều rìa lưỡi (2 hoặc 3 rìa lưỡi). Rìa lưỡi chopper đều ghè một mặt, từ mặt cuội này sang mặt cuội kia, có một số ít chopper có vết ghè tu chỉnh rìa lưỡi. Tiêu biểu nhất trong chopper ở đây là tiểu loại hình múi bưởi, hình nùm cuội, hình bàn là hoặc lưỡi xiên, thường gặp trong văn hóa Sơn Vi, hậu kỳ Đá cũ (Hình 4).

Hình 4: Chopper địa điểm Phú Thiện 20



Nguồn: Vũ Tiến Đức.

Chopping - tool (công cụ chặt ghè hai mặt) có 7 hiện vật (tỷ lệ 3,2%), phân bố rải rác ở 5 địa điểm thung lũng Phú Thiện. Công cụ được làm từ viên cuội sông, kích thước vừa tay cầm, rìa lưỡi thường ghè 2 mặt ở một đầu hẹp của viên cuội. Vết ghè tạo rìa lưỡi từ hai phía lại, có mặt ghè chủ yếu, tập trung nhiều vết ghè, mặt kia ghè sơ qua, ít vết ghè. Loại công cụ này có thể cắt, chặt.

Công cụ ghè hết một mặt (Uniface) có 3 hiện vật (1,36%), trong đó, 2 chiếc ở Phú Thiện 17 và 1 chiếc ở Phú Thiện 20. Uniface là được làm từ viên cuội lớn, vết ghè bóc đi toàn bộ vỏ cuội tự nhiên trên một mặt lớn tròn cuội. Từ đó, ghè tạo rìa tác dụng ở một đầu cong lồi, đôi khi hơi nhọn, còn đầu kia làm tay cầm. Vết ghè vát từ rìa vào trung tâm, tạo thành các đường rìa cong kẹp giữa một mũi nhọn (Hình 5).

Hình 5: Công cụ ghè hết một mặt



Nguồn: Vũ Tiến Đức

Công cụ ghè hai mặt (Biface) có dáng rìu tay, có 3 chiếc, được phát hiện ở 3 địa điểm Phú Thiện 10, Phú Thiện 17 và Phú Thiện 23. Về hình dáng và kỹ thuật chế tác gọi lại rìu tay ở các địa điểm Rộc Tung 3, Gò Đá, Rộc Lớn 2, Rộc Giáo 1 thuộc cụm di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê.

Rìu tay, ký hiệu 21.PT17.ST: 1 được làm từ cuội quartz, thân gần hình bầu dục, ghè hai mặt (biface). Vết ghè tập trung ở một đầu, tạo 2 rìa kẹp lấy một đầu gần nhọn, còn đầu kia giữ nguyên hình dáng tự nhiên làm tay cầm.

Trên hai rìa cạnh vết ghè hai mặt, có dấu ghè nhỏ tu chỉnh, tạo rìa lưỡi zíc zắc. Công cụ dày ở thân, mỏng dần về phía hai rìa cạnh và mũi nhọn. Công cụ có hình dáng cân đối, mặt bở dọc hình nêm, mặt cắt ngang thân gần hình bầu dục. Thân dài 17,9cm, rộng 14,7cm, dày 10,9cm, trọng lượng 2.550gr (Hình 6).

Hình 6: Rìu tay ở địa điểm Phú Thiện 17



Nguồn: Vũ Tiến Đức

Rìu tay, ký hiệu 21.PT23.ST: 3, được làm từ cuội đá quartz biến tính, màu vàng, gần hình tứ giác với hai mặt lớn cong lồi, phong hóa màu nâu sẫm. Trên một đầu ghè 2 mặt tạo 2 rìa, kẹp lấy một đầu thon nhọn; còn đầu kia giữ nguyên hình dáng tự nhiên làm tay cầm. Một mặt lớn tương đối phẳng vết ghè nhiều, còn mặt kia cong lồi, có số lượng vết ghè ít hơn, góc ghè gần bằng 90°. Rìa lưỡi chỉ kéo dài khoảng 1/2 chiều dài công cụ, còn lại là phần đốc cầm không có vết chế tác.

Thân dài 14,9cm, rộng 12,3cm, dày 6,3cm, trọng lượng 1.300gr.

Rìu tay, ký hiệu 19.PT10.9, được làm từ đá quartzit, màu vàng, gần hình trứng, hai mặt lớn cong lồi, 2/3 thân ghè hai mặt tạo 2 rìa, kẹp lấy một đầu nhọn, đầu kia giữ nguyên làm tay cầm. Trên thân còn bảo lưu các vết ghè lớn và vết ghè tu chỉnh nhỏ, làm lưỡi cong đều. Rìu dài 15cm, rộng 10cm, dày 9cm, trọng lượng 1.500gr (Hình 7).

Hình 7: Rìu tay di tích Phú Thiện 10



Nguồn: Nguyễn Khắc Sử

Mũi nhọn có 21/220 hiện vật, được ghè ở một đầu tạo mũi nhọn, đầu kia là đốc cầm còn vỏ cuội. Các vết ghè tại rìa có kích thước nhỏ, đều đặn. Đáng chú ý, trong bộ sưu tập mũi nhọn Phú Thiện, có loại hình mũi nhọn tam diện. Chúng được làm từ viên cuội kích thước lớn, trên một đầu ghè tạo 3 mặt kẹp lấy một đầu nhọn, còn đầu kia làm đốc cầm (Hình 8 a, b) hoặc mũi nhọn gần hình rìu, có hai rìa cạnh lồi thon dần về một đầu nhọn, đốc cong đều, thân mỏng dẹt (Hình 8c).

Hình 8: Mũi nhọn: a,b. Mũi nhọn tam diện, c. Mũi nhọn hình rìu



a. Di tích Phú Thiện 17

b. Di tích Phú Thiện 16

c. Phú Thiện 10

Nguồn: Vũ Tiến Đức.

Các mảnh tước phát hiện tại Phú Thiện đa số là mảnh tước ban đầu, u ghe nổi cao, rõ sóng ghe. Một số mảnh to dạng cuội bở, kích thước lớn được người cổ Phú Thiện sử dụng làm công cụ nạo hoặc công cụ cắt khía thể hiện sự tồn tại của kỹ thuật tách mảnh từ hạch đá. Do số lượng công cụ mảnh tước thu thập chưa nhiều, nên việc nghiên cứu kỹ thuật tách mảnh tước từ hạch đá còn rất sơ lược (Hình 9).

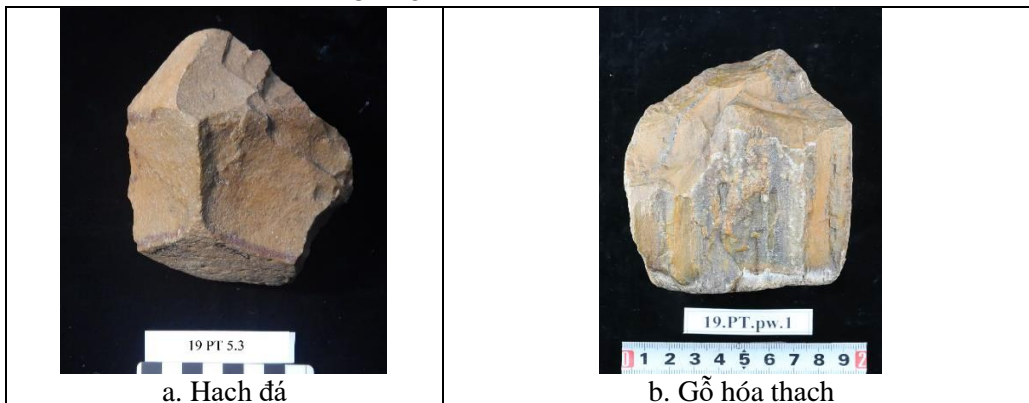
Hình 9: Công cụ mảnh tước



Nguồn: Vũ Tiến Đức.

Hạch đá Phú Thiện chủ yếu là hạch đá bất định hình, diện ghe còn nguyên vỏ cuội, không có dấu vết chuẩn bị diện ghe trước. Vết ghe thường cùng một phía. Bề mặt vết ghe lớn, lõm nhẹ. Từ hạch đá, người cổ tách ra những mảnh tước nhỏ khác nhau, một số mảnh có thể được sử dụng làm nạo, công cụ cắt (Hình 10a). Ngoài ra ở đây còn tìm thấy hòn ghe, đá có dấu chế tác và công cụ bằng gỗ hóa thạch (Hình 10b).

Hình 10: Hạch đá và công cụ gỗ hóa thạch



Nguồn: La Thế Phúc.

3. Tính chất và niên đại

Đến nay, các di tích khảo cổ ở thung lũng Phú Thiện chưa được phân tích niên đại tuyệt đối bằng các phương pháp khoa học tự nhiên. Việc xác định niên đại tương đối các di tích này dựa vào đặc điểm địa tầng, loại hình học so sánh giữa Phú Thiện với các di tích khảo cổ khác đã được nghiên cứu có hệ thống.

Về tính chất di tích: Hầu hết các di tích chưa tìm thấy địa tầng, than tro hoặc dấu tích quy trình chế tác công cụ, mà chỉ thu thập được công cụ đá, mà rất ít mảnh tước. Những tư liệu này là bằng chứng ghi nhận, các di tích Phú Thiện không phải là điểm cư trú lâu dài, và cũng không phải là xưởng chế tác công cụ đá. Rất có thể đây là các điểm dừng chân, ngăn ngày của cư dân tiền sử. Dự đoán này có thể thay đổi nếu có những cuộc khai quật quy mô lớn ở đây.

Về niên đại: Các di tích khảo cổ ở thung lũng Phú Thiện phân bố rộng, thuộc loại hình thềm sông cổ và các bãi cuội sông cổ có tuổi Pleistocene của thung lũng sông Ba. Các di vật khảo cổ tìm thấy ở bậc 3, 4, 5 và 6, chưa thấy có trong các bậc địa hình cao hơn hoặc thấp hơn. Trầm tích chứa các di vật khảo cổ ở đây chủ yếu là cuội sạn sỏi pha cát, nằm phía trên các thành tạo cát sạn - bột sét của hệ tầng sông Ba. Địa tầng này lộ ra ở một vài nơi khi ở đây người dân san ủi làm đường, canh tác cây nông nghiệp. Cuội sạn sỏi có thành phần đa khoáng, chủ yếu là thạch anh, quarzit, cát kết dạng quarzit, opal-chalcedon, đá sừng, đá basalt (ít), ít mảnh vỡ tectit (?) và thủy tinh núi lửa. Nguồn gốc trầm tích là eluvi (tàn tích) và deluvi (sườn tích) proluvi (lũ tích) và aluvi (thềm sông, lòng sông). Tuổi của trầm tích này tạm xếp vào Đệ tứ (Q) không phân chia và Pleistocene muộn. Có thể xem niên đại Cảnh tân (Pleistocene) là giới hạn trước của các di tích khảo cổ Phú Thiện.

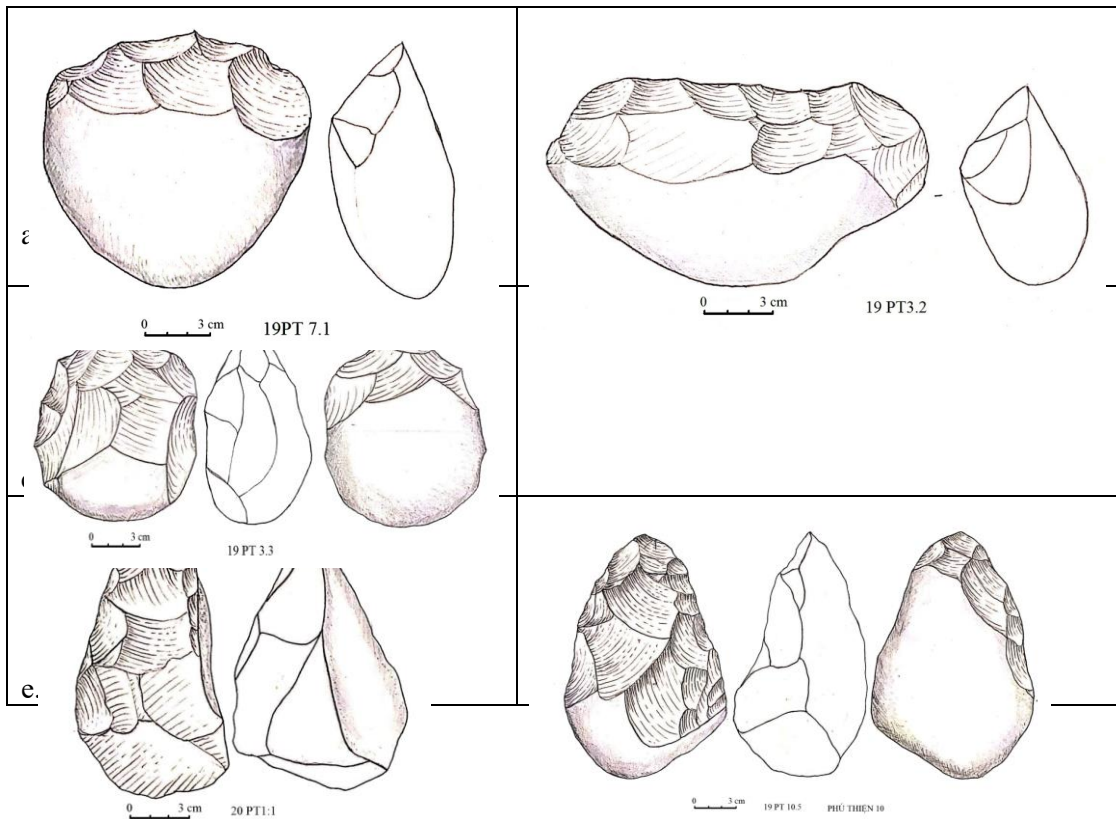
Về loại hình học công cụ, trong sưu tập Phú Thiện đã tìm thấy công cụ chặt gần rìu tay (handaxes), công cụ ghe đẽo một mặt (Uniface), công cụ ghe hai mặt (Biface), công cụ rìu ngang (chopper), công cụ rìu dọc (side chopper), công cụ hạch, công cụ mảnh tước, mảnh tước, hạch đá, đá có vết ghe. Những di vật này được làm từ đá cứng, hạt mịn, vết ghe đẽo thô sơ, trực tiếp tạo ra các rìu lưỡi hoặc một mũi nhọn, phần lớn công cụ còn bảo lưu vỏ cuội tự nhiên, dùng làm tay cầm. Đây là đặc trưng cơ bản của kỹ nghệ Đá cũ Việt Nam, thường gặp trong các sưu tập hậu kỳ Đá cũ văn hóa Sơn Vi. Trong sưu tập đồ đá ở đây hoàn toàn vắng mặt kỹ thuật mài hoặc công cụ mài lưỡi, mài toàn thân vốn đặc trưng cho giai đoạn Đá mới Việt Nam.

Các di tích khảo cổ Phú Thiện nằm ở vùng thượng lưu sông Ba, cách địa điểm sơ kỳ Đá cũ An Khê khoảng 150km về phía Nam. Có thể so sánh Phú Thiện với hệ thống các di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê hay kỹ nghệ An Khê. Các di tích Đá cũ An Khê hiện biết có 25 địa điểm, phân bố ở địa bàn thị xã An Khê, thuộc thượng nguồn sông Ba. Các nghiên cứu đã xác nhận khu vực thung lũng An Khê tồn tại các địa điểm cư trú, sinh hoạt và chế tác công cụ đá của các cư dân thời đại Đá cũ. Đặc trưng kỹ nghệ An Khê là tổ hợp công cụ đá được làm từ cuội sông suối, chất liệu chủ yếu là đá quartz, một ít là quartzite. Công cụ có kích thước lớn, được chế tác bằng kỹ thuật ghe trực tiếp. Loại hình hiện vật ở đây gồm chopper, chopping, nạo, hạch, mảnh tước, mũi nhọn lớn hình khối tam diện (mặt cắt ngang hình tam giác), công cụ ghe đẽo một mặt (uniface), công cụ ghe hai mặt (biface) và đặc biệt là những chiếc rìu tay (handaxe). Rìu tay tuy không nhiều nhưng mang đặc trưng của rìu tay giai đoạn tối cổ của nhân loại.

Các loại hình di vật này tạo dựng một phức hợp kỹ nghệ Đá cũ An Khê, mà đặc trưng nổi bật của phức hợp là chooper-chooping/ pointed-triangular-sectioned pointed/ bifaces-bandaxes. Trong đó chooper, chooping - tool nổi trội cho sơ kỳ Đá cũ châu Á, bifaces-handaxes nổi bật trong các kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ châu Âu và châu Phi, còn mũi nhọn - mũi nhọn tam diện đặc trưng cho Đá cũ An Khê. Cần nhấn mạnh rằng, lần đầu tiên ở Việt Nam tìm thấy một kỹ nghệ Đá cũ, hội tụ các loại hình công cụ tiêu biểu cho sơ kỳ thời đại Đá cũ trong địa tầng và được xác định niên đại tuyệt đối (Nguyễn Khắc Sử và cộng sự, 2021). Hai địa điểm Gò Đá và Rộc Tung 1 của kỹ nghệ An Khê đã được tìm thấy trong tầng văn hóa và có niên đại đi kèm xác định niên đại bằng phương pháp Kali-Argon ($^{40}\text{K}/^{38}\text{Ar}$) cho kết quả là 806.000 ± 22.000 năm BP và 782.000 ± 20.000 năm BP (Derevianko A.P. et al, 2018: 3-21).

Sưu tập Đá cũ Phú Thiện có sự gắn gũi nhất định về chất liệu, kỹ thuật và loại hình công cụ đá với kỹ nghệ An Khê. Tuy nhiên, giữa chúng có một số nét khác biệt. Về chất liệu công cụ đều là cuội sạn đa khoáng trong tầng trầm tích Pleistocene đều được khai thác tại chỗ trong thung lũng sông Ba. Trong đó, đá quartzit chiếm tỷ lệ chủ yếu trong bộ sưu tập công cụ đá ở hai khu vực. Kích thước công cụ đá An Khê rất lớn và lớn hơn nhiều so với Phú Thiện. Những công cụ như rìu tay, mũi nhọn tam diện ở An Khê đều dài trên 20cm, trong khi phần lớn công cụ Phú Thiện có chiều dài khoảng 10cm. Về tổ hợp công cụ Phú Thiện có mặt các loại hình chopper, choping-tool, mũi nhọn, mũi nhọn tam diện, công cụ ghè hai mặt và rìu tay (Hình 11). Tuy nhiên loại mũi nhọn tam diện, rìu tay ít và không điển hình như An Khê.

Hình 11: Hiện vật đá tiêu biểu ở Phú Thiện



Nguồn: Bản vẽ Nguyễn Khắc Sử.

Về kỹ thuật chế tác công cụ đá tại hai nơi đều là ghè trực tiếp, đá ghè đá, ghè vát từ rìa hướng vào trung tâm, vết ghè thô, song kỹ thuật ghè nhỏ, nhiều nhất và ghè tu chỉnh rìa lưỡi trong bộ sưu tập công cụ đá Phú Thiện phổ biến hơn so với bộ sưu tập An Khê. Những công cụ đá Phú Thiện có loại chopper rìa dọc hình mũi buri và công cụ hình móng ngựa, hai loại này thường tìm thấy trong các di tích hậu kỳ Đá cũ ở Việt Nam. Loại hình này hoàn toàn vắng mặt trong các di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê.

Những sưu tập công cụ Đá cũ Phú Thiện có thể so sánh với sưu tập công cụ hậu kỳ Đá cũ vùng thượng du sông Ba được phát hiện ở các địa điểm thuộc huyện Kbang, huyện Đăk Pơ và phía nam thị xã An Khê (tỉnh Gia Lai). Phần lớn những di vật này được làm từ những viên cuội sông, đá quartzite, granite biến tính, kích thước trung bình ghè đẽo tập trung trên một đoạn rìa cạnh của viên cuội và có dấu tu chỉnh ở rìa lưỡi. Loại hình công cụ nổi trội là công cụ lưỡi dọc (side chopper), công cụ lưỡi ngang (end chopper), mũi nhọn, công cụ mảnh tước, dao cắt, phần tư viên cuội, công

cụ có ba rìa lưỡi. Những di vật này được xác định thuộc giai đoạn hậu kỳ Đá cũ (Nguyễn Khắc Sử, 2016: 390-391). Tóm lại, giữa sưu tập công cụ đá Phú Thiện và sưu tập hậu kỳ Đá cũ vùng thượng du sông Ba ở huyện Kbang, An Khê và Đăk Pơ có một số nét tương đồng như: 1) Chất liệu di vật chủ yếu là đá quartzite là chính, 2) Điều kiện kỹ thuật ghè tu chính ở rìa lưỡi một số công cụ, 3) Sự xuất hiện nổi trội loại hình công cụ như mũi nhọn, công cụ mảnh, chooper không định hình, đặc biệt là các công cụ rìa lưỡi dọc (side chopper) kiểu công cụ “hình mũi bươi”, công cụ “hình móng ngựa” trong văn hóa Sơn Vi, văn hóa hậu kỳ Đá cũ đặc trưng ở Bắc Việt Nam; 4) Hạch đá ở hai nơi đều là hạch nhỏ, để lại mặt âm ghè tách ra nhiều mảnh tước gần giống nhau ở xung quanh một lõi. Loại hạch đá này lại khá phổ biến và đặc trưng cho các kỹ nghệ hậu kỳ Đá cũ (Upper Palaeolithic) phương Tây. Tuy nhiên, các loại hình mũi nhọn tam diện, biface dạng rìu tay, công cụ ghè một mặt (uniface) ở Phú Thiện hoàn toàn vắng bóng trong các di tích hậu kỳ Đá cũ Kbang, Đăk Pơ và An Khê.

Từ những phân tích so sánh trên, có thể xếp các di tích khảo cổ Phú Thiện vào thời đại Đá cũ, thuộc giai đoạn hậu kỳ Đá cũ, trẻ hơn so với các di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê. Trong một số đặc điểm nào đó, sưu tập khảo cổ Phú Thiện có nét cổ hơn so với bộ sưu tập hậu kỳ Đá cũ ở các huyện Kbang, An Khê và Đăk Pơ. Và như vậy, nhóm các di tích khảo cổ thời đại Đá cũ Phú Thiện có thể là cầu nối giữa các di tích sơ kỳ Đá cũ và hậu kỳ Đá cũ vùng thượng du sông Ba. Tuy nhiên, đây chỉ là một giả thuyết xây dựng trên cơ sở phương pháp so sánh loại hình học, cần kiểm chứng bởi các kết quả khai quật, nghiên cứu địa tầng và phân tích niên đại tuyệt đối trong tương lai.

4. Kết luận

Những phát hiện các di tích khảo cổ học Phú Thiện đã đóng góp vào hệ thống các di tích tối cổ của lịch sử Việt Nam ở thượng lưu sông Ba, một con sông lớn duy nhất của Tây Nguyên đổ nước ra biển Đông. Những kết quả nghiên cứu 26 di tích khảo cổ Đá cũ vùng thung lũng Phú Thiện bước đầu ghi nhận đây là di tồn văn hóa của cộng đồng cư dân giai đoạn hậu kỳ Đá cũ, nằm ở bước trung chuyển từ kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ An Khê đến kỹ nghệ hậu kỳ Đá cũ K'Bang - Đăk Pơ. Các di tích này là đại diện cho một cơ tầng văn hóa thời đại Đá cũ ở thượng lưu sông Ba, Tây Nguyên, mốc mở đầu cho nền văn minh sông Ba sau này.

Hệ thống các di tích khảo cổ thuộc nhiều giai đoạn từ Đá cũ đến Đá mới và sơ kỳ Kim khí phân bố dọc đôi bờ sông Ba, từ K'Bang, qua An Khê, Đăk Pơ, Kông Chro, Ia Pa, đến Phú Thiện, Krông Pa, tỉnh Gia Lai là một trong số rất ít con sông cổ trên lãnh thổ Việt Nam còn bảo lưu được khá nguyên vẹn (in situ). Đây là hệ thống các di tích tiền sử thuộc nhiều giai đoạn văn hóa, gắn liền với đặc thù vùng chuyển tiếp từ cao nguyên xuống đồng bằng, biển đảo, vùng đa dạng sinh học và đặc sắc về văn hóa tộc người, xứng đáng được xem xét tôn vinh trong nền văn minh sông Ba.

Những phát hiện và nghiên cứu địa - khảo cổ vùng thung lũng huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai bước đầu đã cho chúng ta những thông tin tư liệu quan trọng góp phần tìm hiểu các mô thức cư trú của cư dân tiền sử, hành vi văn hóa của con người qua kỹ thuật chế tác và sử dụng công cụ lao động, tìm hiểu chiến lược khai thác thức ăn và các dấu tích hoạt động khác của cư dân cổ Phú Thiện trong bức tranh văn hóa thời tiền sử ở vùng thượng lưu sông Ba. Những nghiên cứu hệ thống các di tích đôi bờ sông Ba theo thời gian từ sớm đến muộn, theo không gian vùng sẽ cung cấp cho chúng ta những bằng chứng xác thực về các hoạt động của con người gắn liền với sự biến động của môi trường khu vực, sự biến đổi cấu trúc quá khứ, sự thay đổi phong cảnh địa phương, những biến động quần xã động - thực vật theo thời gian và mối liên hệ văn hóa giữa các cộng đồng người với nhau trong không gian và thời gian thời tiền sử.

Với quy mô và tốc độ xây dựng như hiện nay, không ít di tích khảo cổ ở thung lũng Phú Thiện nói riêng và dọc đôi bờ sông Ba nói chung đã bị xâm hại. Do đó, việc cấm mốc bảo vệ các di tích đã biết là cần thiết, đồng thời sớm triển khai các dự án điều tra tổng thể, khai quật khẩn cấp những địa điểm có địa tầng tương đối nguyên vẹn, thu thập đầy đủ thông tin tư liệu khoa học, góp phần nghiên cứu lịch sử tối cổ của loài người và phát triển du lịch văn hóa bền vững ở vùng Tây Nguyên.

Tài liệu tham khảo

Derevianko A.P., A.V. Kandyba, Nguyen Khac Su, S.A. Gladyshev, Nguyen Gia Doi, V.A. Lebedev, A.M. Chekha, A.G. Rybalko & V.M. Kharevic and A.A. Tsybankov. (2018). The Discovery of a in Viet Nam. In *Archaeology, Ethnology & Anthropology of Eurasia*. Volum 46. No.3. pp.3-21.

Kandyba, A.V., A.P. Derevianko, Nguyen Khac Su, S.A. Gladyshev, A.M. Chekha, A.G. Rybalko & Nguyen Gia Doi. (2021). Palaeolithic and Bifacial Industries of Viet Nam in Comparison with Those in East, Southeast, and South Asia. *Vietnam social sciences Review*. No 1 (201). pp.15-41.

La The Phuc, Luong Thi Tuat, Bui Van Thom, Nguyen Khac Su, Vu Tien Duc, Bui Quan Anh, Nguyen Trung Minh & Dang Thi Hai Yen. (2020). New Archaeological Discoveries in The Geological Formations and Heritages along the Ba River Ancient Valley. *VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences*. Vol. 36. No. 3. pp.55-69.

La The Phuc, Nguyen Khac Su, Luong Thi Tuat, Vu Tien Duc, Bui Van Thom & Nguyen Trung Minh. (2020). Some new heritage discoveries in The Central Highlands, Vietnam. *VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences*. Vol. 36. No. 1. pp.79-92.

La Thê Phúc, Nguyễn Khắc Sử, Lương Thị Tuất, Vũ Tiến Đức, Bùi Văn Thom & Nguyễn Trung Minh. (2020). Những phát hiện mới tiêu biểu về di sản ở Tây Nguyên, *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. Số 6.

La Thê Phúc, Nguyễn Trung Minh & Vũ Tiến Đức. (2020). Phát hiện cụm di tích đồ Đá cũ Phú Thiện. *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. Nxb. Khoa học xã hội.

Lê Hải Đăng, Kandyba, La Thê Phúc & Nguyễn Quang Tuệ. (2021). Điều tra khảo cổ Đá cũ Phú Thiện (Gia Lai) tháng 3 năm 2021. *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2020*. Nxb. Khoa học xã hội.

Lương Thị Tuất, La Thê Phúc, Nguyễn Trung Minh & Vũ Tiến Đức. (2020). Phát hiện công cụ gỗ hóa thạch ở Phú Thiện, Gia Lai. *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. Nxb. Khoa học xã hội.

Nguyễn Gia Đồi và đoàn khai quật hợp tác Việt Nga. (2020). Tổng quan quá trình khai quật, nghiên cứu phức hợp di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê, tỉnh Gia Lai 2015-2019. *Khảo cổ học*. Số 3 (225).

Nguyễn Khắc Sử. (Chủ biên). (2016). *Khảo cổ học tiền sử miền trung Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.

Nguyen Khac Su, A.P. Derevianko, Nguyen Gia Doi, S.A. Gladyshev, A.V. Kandyba, Phan Thanh Toan, Nguyen Anh Tuan & Tran Dinh Luan. (2020). Lower Palaeolithic of An Khe in Prehistoric Context of Vietnam and Region. *Vietnam social sciences Review*. No 5 (199). pp.33-50.

Nguyễn Khắc Sử, Gladyshev S. & Lương Thị Tuất. (2021). Nghiên cứu sưu tập Đá cũ Phú Thiện (Gia Lai) 2019-2020. *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2020*, Nxb. Khoa học xã hội.

Nguyễn Khắc Sử, La Thê Phúc & Lương Thị Tuất. (2020). Khảo sát sưu tập hiện vật đá và gỗ hóa thạch ở Phú Thiện (Gia Lai). *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. Nxb. Khoa học xã hội.

Nguyễn Khắc Sử, Lê Hải Đăng, Kandyba A., Gladyshev S., Sayana K., La Thê Phúc, Lương Thị Tuất & Nguyễn Quang Tuệ. (2020). *Báo cáo sơ bộ kết quả điều tra khảo cổ ở huyện Phú Thiện (Gia Lai) tháng 3-2020*. Tư liệu Viện Khảo cổ học. Hà Nội.

Trần Tính. (1996). *Bản đồ địa chất và khoáng sản tờ An Khê, tỷ lệ 1/200.000*. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (nay là Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam). Hà Nội.

Vũ Tiến Đức. (2021a). *Báo cáo tổng hợp đề tài "Điều tra các di tích khảo cổ học tiền - sơ sử huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai"*. Tư liệu Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên. Đắk Lắk.

Vũ Tiến Đức. (2021b). Bảo tồn và phát huy giá trị di sản các địa điểm khảo cổ học thời đại Đá cũ tại Phú Thiện (Gia Lai). *Văn hóa nghệ thuật*. Số 12.

Vũ Tiến Đức, Nguyễn Thành Vương, Huỳnh Bá Tính. (2022b). Phát hiện địa điểm khảo cổ học Ia Sol, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2021*. Nxb. Khoa học xã hội.

Vũ Tiến Đức, Nguyễn Thành Vương, Phạm Văn Hưng. (2022a). Kết quả khảo sát khu vực phía Đông núi Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2021*. Nxb. Khoa học xã hội.